

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VXNV

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2021

V/v báo cáo kết quả thực hiện công tác Dân vận chính quyền và Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022 và tổ chức Hội nghị cán bộ công chức, viên chức và người lao động năm 2022

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Các doanh nghiệp Nhà nước.

Căn cứ Công văn số 12-CV/BCĐ ngày 21/10/2021 của Ban Chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở về báo cáo kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2021; Công văn số 397-CV/BDVTU ngày 28/10/2021 của Ban Dân vận Tỉnh ủy về báo cáo kết quả thực hiện công tác dân vận chính quyền năm 2021;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban ngành; các đơn vị lực lượng vũ trang; các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh; Liên đoàn lao động tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các doanh nghiệp Nhà nước triển khai thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1. Về Báo cáo kết quả thực hiện công tác Dân vận chính quyền và Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2021:

a) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, địa phương báo cáo kết quả thực hiện công tác Dân vận chính quyền và báo cáo Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022 (theo Đề cương tại Phụ lục 1, 2 đính kèm Công văn này); gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) **trước ngày 15/11/2021**.

b) Giao Sở Nội vụ tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo gửi về Bộ Nội vụ, Ban Dân vận Tỉnh ủy **trước ngày 23/11/2021**.

2. Về tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và người lao động năm 2022:

a) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, địa phương chủ động phối hợp với Ban Chấp hành công đoàn cơ sở, thông qua chỉ đạo của cấp ủy Đảng cơ sở, chuẩn bị nội dung và tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và người lao động năm 2022 theo đúng quy định hiện hành; cụ thể như sau:

- Đối với Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã:

+ Thời gian tổ chức chậm nhất **ngày 31/12/2021**.

+ Nội dung và tổ chức Hội nghị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ (*Riêng Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo kết quả chung của cấp xã*).

+ Báo cáo kết quả theo đề cương tại Phụ lục 3 kèm theo Công văn này, gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Nội vụ*) **trước ngày 10/01/2022**.

- Đối với Hội nghị người lao động trong các doanh nghiệp:

+ Thời gian tổ chức chậm nhất trong **Quý I/2022**.

+ Nội dung và tổ chức Hội nghị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2013/NĐ-CP ngày 19/6/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết khoản 3 điều 63 của Bộ Luật Lao động về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

+ Báo cáo kết quả gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh **trước ngày 10/4/2022**.

b) Đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh:

- Hướng dẫn các doanh nghiệp tổ chức Hội nghị người lao động theo quy định tại Nghị định số 60/2013/NĐ-CP ngày 19/6/2013 của Chính phủ.

- Tổng hợp báo cáo kết quả tổ chức Hội nghị người lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Nội vụ **trước ngày 20/4/2022**.

c) Giao Sở Nội vụ có trách nhiệm:

- Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã **trước ngày 20/01/2022**.

- Chủ động phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh trong việc theo dõi, tổng hợp kết quả tổ chức Hội nghị người lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Các Hội, Đoàn thể tỉnh;
- VPUB: LĐ, CV, HCQT;
- Lưu: VT, VXNV. ĐNĐ

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Nam

PHỤ LỤC 1

**Đề cương Báo cáo kết quả thực hiện công tác dân vận chính quyền
năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2022**
(Kèm theo Công văn số /UBND-VXNV ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI

1. Công tác lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức Đảng.
2. Công tác chỉ đạo và triển khai của các cấp chính quyền.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Việc thực hiện “mục tiêu kép”, vừa quyết liệt phòng, chống dịch Covid-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống Nhân dân (một số kết quả chủ yếu về tăng trưởng kinh tế, thu nhập, tỷ lệ hộ nghèo, y tế, giáo dục, xây dựng nông thôn mới...); việc thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 (công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện); kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản pháp luật về thực hiện các loại hình Quy chế dân chủ ở cơ sở; Hướng dẫn số 01-HD/BDVTU ngày 12/4/2021 của Ban Dân vận Tỉnh ủy về một số nhiệm vụ trọng tâm thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2021, nhất là thực hiện cơ chế dân chủ trực tiếp với dân chủ đại diện, bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình. Thực hiện tốt hoạt động tiếp xúc cử tri, tổng hợp, phản ánh tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và giám sát việc giải quyết các kiến nghị của cử tri.

3. Công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính; việc công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho Nhân dân tiếp cận, giám sát hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp, công chức, viên chức (một số kết quả chủ yếu về cắt giảm thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, trung tâm dịch vụ hành chính công,...).

4. Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là các vụ việc khiếu kiện phức tạp, đông người, kéo dài; công tác tiếp công dân, đối thoại với Nhân dân của người đứng đầu địa phương, đơn vị.

5. Việc nâng cao đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, ý thức phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người

đứng đầu địa phương, đơn vị; công tác kiểm tra, thanh tra công vụ, xử lý cán bộ, công chức, viên chức vi phạm đạo đức công vụ, gây phiền hà cho Nhân dân.

6. Công tác phối hợp, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội và Nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội và góp phần xây dựng chính quyền vững mạnh (cơ chế phối hợp, nội dung giám sát, phản biện).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

2. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

(Kèm theo Phụ lục số liệu về công tác dân vận chính quyền)

PHỤ LỤC SỐ LIỆU

Kết quả thực hiện công tác dân vận chính quyền năm 2021

*(Kèm theo Công văn số /UBND-VXNV ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

1. Tổng số văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về công tác dân vận chính quyền đã ban hành.

Trong đó: văn bản của cấp ủy:.....; văn bản chính quyền:.....

2. Công tác kiểm tra thực hiện công tác dân vận chính quyền, gắn với kiểm tra, thanh tra công vụ:

- Tổng số đoàn kiểm tra:.....

- Tổng số đơn vị cơ sở được kiểm tra:.....

3. Ước tính các chỉ số kinh tế-xã hội (tăng....giảm....so với cùng kỳ):

- Tăng trưởng kinh tế (GRDP).....%, tăng.....%, giảm.....%.

- Thu nhập bình quân đầu người:.....triệu đồng/người/tháng; tăng.....%, giảm.....%.

- Tỷ lệ hộ nghèo...%, giảm.....%; hộ cận nghèo...%, giảm.....%.

- Số bác sỹ.../vạn dân, tăng.....%, giảm.....%; số giường bệnh.../1000 dân; tăng...%, giảm.....%.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế...%, tăng...%, giảm...%.

- Số xã đạt nông thôn mới...xã, đạt.....%; tăng.....%; trong đó có...xã, đạt.....% xã nông thôn mới kiểu mẫu, tăng.....%.

- Số huyện đạt nông thôn mới... huyện, đạt...%, tăng...%; trong đó có...huyện, đạt...% huyện nông thôn mới kiểu mẫu, tăng.....%.

4. Triển khai hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Số doanh nghiệp được hỗ trợ:...../.....tổng số doanh nghiệp; số tiền.....triệu đồng.

- Tổng số người lao động được hỗ trợ:.....người; tổng số tiền:.....triệu đồng.

5. Công tác cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính:

- Tỷ lệ địa phương cấp huyện thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”.....%.

- Tỷ lệ cơ quan Sở, ngành thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”....%

- Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4:.....; trong đó mức độ 4:.....

- Tổng số thủ tục hành chính được cắt giảm....thủ tục, đạt...%

- Chỉ số hài lòng của người dân về dịch vụ hành chính công.....%, tăng, giảm.....%

6. Công tác tiếp dân, đối thoại với Nhân dân của người đứng đầu địa phương, đơn vị, xử lý đơn thư và kết quả giải quyết các vụ việc phức tạp, kéo dài năm 2021.

- Bí thư tỉnh ủy, Thành ủy tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với dân theo Quy định 11-QĐ/TW. Tiếp.....lượt công dân; đối thoại....cuộc.

- Chủ tịch UBND tỉnh tiếp công dân theo Luật: Tiếp định kỳ....cuộc; tiếp đột xuất....cuộc; đối thoại.....cuộc.

- Chủ tịch UBND cấp huyện tiếp công dân theo Luật: Tiếp định kỳ....cuộc; tiếp đột xuất....cuộc; đối thoại.....cuộc.

- Chủ tịch UBND cấp xã tiếp công dân theo Luật: Tiếp định kỳ....cuộc; tiếp đột xuất....cuộc; đối thoại.....cuộc.

- Kết quả giải quyết đơn thư khiếu nại:.....đơn/.....đơn, đạt....%

- Kết quả giải quyết đơn thư tố cáo:.....đơn/....đơn, đạt....%

- Kết quả giải quyết các vụ việc khiếu kiện phức tạp, đông người, kéo dài....vụ/....vụ, đạt.....%

7. Giám sát, phản biện của MTTQ, các tổ chức chính trị-xã hội.

- Số cuộc giám sát.....cuộc/....nội dung.

- Số ý kiến phản biện.....ý kiến/....nội dung.

- Cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương đã tiếp thu....ý kiến/.....nội dung.

PHỤ LỤC 2

Đề cương kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2022

*(Kèm theo Công văn số /UBND-VXNV ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Tình hình kinh tế-xã hội, an ninh, quốc phòng tác động trực tiếp đến việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở (viết tắt là QCDC ở cơ sở).

- Đánh giá về sự tác động của các yếu tố trên đến việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở địa phương, đơn vị.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền

- Kết quả tuyên truyền, quán triệt nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu, các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, Nhân dân về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; nhất là tập trung một số nhiệm vụ trọng tâm thực hiện QCDC ở cơ sở năm 2021 theo Hướng dẫn số 01-HD/BDVTU ngày 12/4/2021 của Ban Dân vận Tỉnh ủy, gắn với việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Trung ương; các chỉ thị, nghị quyết về công tác dân vận, các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, các chủ trương của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, đơn vị.

- Việc ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện QCDC ở cơ sở gắn với thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị; trọng tâm là tiếp tục thực hiện hiệu quả mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế”, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống nhân dân; triển khai và tổ chức thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 theo tinh thần Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 20/6/2020 của Bộ Chính trị; công tác quán triệt, triển khai Nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; đánh giá 5 năm thực hiện Kết luận số 120-KL/TW ngày 07/01/2016 của Bộ Chính trị khóa XI “Về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở”; trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, công tác tiếp dân, đối thoại, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.

- Công tác triển khai và kết quả kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết; nhân rộng các điển hình, mô hình thực hiện tốt QCDC ở cơ sở.

2. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội trong thực hiện QCDC ở cơ sở

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp thực hiện QCDC ở cơ sở.

- Kết quả thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên, hội viên; tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về QCDC ở cơ sở; nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, Nhân dân sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; sau bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

- Kết quả thực hiện giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định số 217-QĐ/TW, Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị về giám sát và phản biện xã hội; tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của MTTQ Việt Nam các đoàn thể chính trị-xã hội và Nhân dân; Quy định số 124-QĐ/TW của Ban Bí thư về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội và Nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.

- Việc tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; tham gia công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; phòng, chống dịch bệnh Covid-19, phối hợp giám sát thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, tổ chức gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19.

3. Hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ các cấp

3.1. Các tổ, thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh ủy

- Các tổ: báo cáo kết quả tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện QCDC ở cơ sở năm 2021 theo loại hình được phân công phụ trách.

- Các thành viên BCD tỉnh ủy: báo cáo kết quả theo dõi, giám sát việc thực hiện QCDC theo loại hình được phân công. Công tác triển khai thực hiện QCDC ở cơ quan, đơn vị mình và ngành dọc. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo với Tổ và cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh ủy.

3.2. Ban Chỉ đạo các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, các Sở, ban, ngành của tỉnh

- Việc xây dựng, triển khai chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo; kiện toàn, phân công trách nhiệm, sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo; công tác phối hợp của Ban Chỉ đạo với các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Kết quả tham mưu cấp ủy về thực hiện QCDC ở cơ sở trên địa bàn, cơ quan, đơn vị.

- Kết quả tham mưu công tác tuyên truyền, tập huấn; kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết, khen thưởng, nhân rộng điển hình thực hiện QCDC ở cơ sở.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

1. Thực hiện quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn

- Đánh giá kết quả thực hiện từng nội dung trong Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11: nội dung công khai để Nhân dân biết; Nhân dân bàn và quyết định;

Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; Nhân dân giám sát. Nêu rõ từng nội dung làm tốt, nội dung làm chưa tốt và nguyên nhân.

- Kết quả thực hiện cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”, dịch vụ trực tuyến. Kết quả kiện toàn, sắp xếp đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn, thôn, xóm, tổ dân phố; việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy ước, hương ước của thôn, tổ dân phố. Kết quả đối thoại trực tiếp của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân; tình hình và kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

- Kết quả thực hiện dân chủ trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt triển khai các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68-NQ/CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Hoạt động của Ban giám sát đầu tư cộng đồng, Ban thanh tra nhân dân, tổ hòa giải, tổ nhân dân tự quản ở xã, phường, thị trấn.

- Tác động của việc thực hiện QCDC ở cơ sở đối với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; giải quyết việc làm; ổn định tình hình an ninh trật tự ở xã, phường, thị trấn (nêu rõ số kết quả nổi bật nhất là các mô hình nổi bật ở địa phương, cơ sở, có số liệu chứng minh cụ thể).

2. Thực hiện quy chế dân chủ trong cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập

- Đánh giá kết quả thực hiện từng nội dung nêu trong Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ: trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức; những việc phải công khai để cán bộ, công chức, viên chức biết; những công việc cán bộ, công chức, viên chức tham gia ý kiến, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định; những việc cán bộ, công chức, viên chức giám sát, kiểm tra; dân chủ trong quan hệ và giải quyết công việc với Nhân dân, cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan. Nêu rõ từng nội dung làm tốt, nội dung làm chưa tốt và nguyên nhân.

- Kết quả thực hiện quy chế dân chủ gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XII) “*Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”; “*Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*”; công tác cải cách hành chính; công tác tiếp công dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Kết quả tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức; việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng và thực hiện quy chế, quy định; hoạt động của Ban thanh tra nhân dân của cơ quan, đơn vị.

- Tác động của việc thực hiện QCDC ở cơ sở đối với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, xây dựng cơ quan, đơn vị; thay đổi phong cách, lề lối làm việc; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng trong cơ quan, đơn vị (*nêu số liệu chứng minh cụ thể từng nội dung*).

3. Thực hiện quy chế dân chủ trong doanh nghiệp

- Đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp; việc thành lập các tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị-xã hội tại doanh nghiệp; việc thành lập tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở. Việc triển khai các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 tại các doanh nghiệp.

- Kết quả phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị định số 145/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động về tổ chức đối thoại, thực hiện QCDC ở cơ sở tại nơi làm việc; đánh giá kết quả thực hiện từng nội dung nêu trong Chương V của Nghị định.

- Kết quả tổ chức đối thoại tại nơi làm việc, hội nghị người lao động. Việc sửa đổi, bổ sung, xây dựng và thực hiện các quy định, quy chế của doanh nghiệp; nêu rõ số lượng, tỷ lệ doanh nghiệp ban hành QCDC ở cơ sở, thỏa ước lao động tập thể.

- Đánh giá nhận thức, trách nhiệm của người sử dụng lao động và người lao động trong việc thực hiện QCDC ở cơ sở; vai trò của tổ chức công đoàn, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở tham gia thực hiện QCDC ở cơ sở tại nơi làm việc.

- Tác động của việc thực hiện QCDC ở cơ sở đến phát triển sản xuất, kinh doanh; đời sống, việc làm, thu nhập của công nhân, lao động; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng; xây dựng quan hệ lao động trong doanh nghiệp.

4. Thực hiện quy chế dân chủ trong các đơn vị lực lượng vũ trang

- Triển khai thực hiện các quy định của Quân ủy Trung ương, của Bộ Công an về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo quy định.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính, cải tiến lề lối làm việc; tăng cường công tác lãnh đạo tư tưởng, kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan, đơn vị...

- Việc công khai dân chủ các chế độ, chính sách; công tác tuyên dụng, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ; công tác khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng...

- Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, đối thoại dân chủ với cán bộ, chiến sĩ, Nhân dân và doanh nghiệp.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân

2. Những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

V. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

PHỤ LỤC 3

Đề cương báo cáo kết quả tổ chức

Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức năm 2022

*(Kèm theo Công văn số /UBND-VXNV ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

1. Kết quả triển khai tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức năm 2018

- a) Công tác triển khai quán triệt:
- b) Kết quả tổ chức Hội nghị CBCCVC:
 - Thời gian tổ chức Hội nghị CBCCVC.
 - Nội dung Hội nghị CBCCVC.

2. Đánh giá hiệu quả việc thực hiện Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ, Nghị định số 60/2013/NĐ-CP ngày 19/6/2013 của Chính phủ:

- a) Về thực hiện nhiệm vụ chính trị.
- b) Về công tác tuyên truyền giáo dục chính trị, tư tưởng.
- c) Về tham gia hoạt động phong trào và các cuộc vận động.
- d) Về thực hiện quy chế dân chủ trong cơ quan, đơn vị.
- e) Về công tác quản lý tài chính cơ quan và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: (trong đó, nêu cụ thể kinh phí tiết kiệm chi thu nhập tăng thêm cho CBCCVC do tiết kiệm biên chế, tiết kiệm chi phí,...).

3. Nhận xét, đánh giá chung:

- a) Ưu điểm.
- b) Hạn chế.

4. Đề xuất - kiến nghị: (nếu có)/.